

Số: ~~429~~UBDT-KHTC
V/v hướng dẫn xây dựng kế hoạch
phát triển kinh tế - xã hội và dự toán
ngân sách nhà nước năm 2014

Hà Nội, ngày 30 tháng 5 năm 2013

Kính gửi: **UBND TỈNH:** *Bà Rịa*

Để chuẩn bị cho công tác xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước toàn ngành về lĩnh vực công tác dân tộc năm 2014 (gọi tắt là Kế hoạch năm 2014) đảm bảo đúng định hướng, tập trung và thống nhất, Ủy ban Dân tộc hướng dẫn xây dựng Kế hoạch 2014 như sau:

I. Căn cứ, cơ sở xây dựng Kế hoạch 2014

1. Chiến lược phát triển kinh tế xã - hội Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020 và Phương hướng phát triển đất nước giai đoạn 2011 - 2015.
2. Chương trình hành động của Ủy ban Dân tộc thực hiện các Kết luận của Bộ Chính trị, của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giai đoạn 2012 - 2016.
3. Chương trình hành động công tác dân tộc khoá XIII (nhiệm kỳ 2011-2016).
4. Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc; Nghị định số 84/2012/NĐ-CP ngày 12/10/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc; Quyết định số 449/QĐ-TTg ngày 12/3/2013 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020.
5. Các Nghị quyết của Chính phủ về chỉ đạo điều hành kinh tế - xã hội từng giai đoạn.
6. Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về việc xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Dự toán ngân sách nhà nước năm 2014.
7. Các thông tư, văn bản hướng dẫn xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2014 của các Bộ, ngành.

II. Mục tiêu và nhiệm vụ chủ yếu

1. Mục tiêu

Tăng cường vai trò quản lý nhà nước về lĩnh vực công tác dân tộc, đảm bảo cho đồng bào vùng dân tộc thiểu số tiếp tục được hưởng những chính sách ưu đãi của nhà nước về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, ổn định chính trị, đảm bảo an

ninh, quốc phòng; cụ thể hoá các Chỉ thị, Nghị quyết của Đảng, của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về công tác dân tộc, đảm bảo thực hiện thành công nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2014 và giai đoạn 2011 - 2016.

2. Nhiệm vụ chủ yếu

2.1. Tập trung rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung hoàn chỉnh cơ chế, chính sách, chương trình, quy hoạch, kế hoạch, đề án trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đảm bảo tính khả thi, thiết thực phục vụ hộ nghèo, người nghèo ở các xã đặc biệt khó khăn, xã an toàn khu, xã biên giới và các thôn, bản đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số.

2.2. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chính sách, chương trình, dự án ở vùng dân tộc và miền núi; nghiên cứu, đề xuất xây dựng cơ chế, chính sách, chương trình, dự án hỗ trợ đầu tư cho vùng dân tộc và miền núi, cho đối tượng là người dân tộc thiểu số; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các chính sách, chương trình, dự án.

2.3. Triển khai Chương trình hành động thực hiện Chiến lược công tác dân tộc đến năm 2020.

2.4. Cụ thể hoá những nhiệm vụ trong Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 của Chính phủ về công tác dân tộc và Nghị định số 84/2012/NĐ-CP ngày 12/10/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc.

2.5. Thực hiện tốt công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về công tác dân tộc cho cán bộ, đảng viên các cấp, các ngành về vị trí, vai trò của công tác dân tộc, đoàn kết dân tộc, vận động đồng bào dân tộc thiểu số thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật của Đảng và Nhà nước.

2.6. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực trong hệ thống cơ quan làm công tác dân tộc từ trung ương đến cơ sở, chú trọng xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực các cơ quan làm công tác dân tộc, khẩn trương triển khai Đề án xây dựng Học viện Dân tộc.

2.7. Cụ thể hoá Chương trình công tác của Chính phủ nhiệm Kỳ 2011 - 2016 liên quan đến lĩnh vực công tác dân tộc và miền núi thực hiện trong năm 2014.

2.8. Trên cơ sở tính toán các mục tiêu, chỉ tiêu thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về công tác dân tộc của các Vụ, đơn vị đề xuất giải pháp, cơ chế, chính sách, chế độ mới hoặc kiến nghị sửa đổi bổ sung chế độ, chính sách hiện hành làm cơ sở xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch 2014.

III. Yêu cầu xây dựng Kế hoạch 2014

1. Tổ chức đánh giá nghiêm túc tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách toàn ngành năm 2013 trên cơ sở đánh giá

đầy đủ tình hình thực hiện nhiệm vụ của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao Ủy ban Dân tộc về các Chương trình, chính sách, đề án thực hiện ở địa phương. Đánh giá kết quả đạt được 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2013. Phân tích làm rõ nguyên nhân khách quan, chủ quan, những hạn chế, tồn tại và đề xuất giải pháp khắc phục.

2. Đối với các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc, tổ chức đánh giá toàn diện tình hình thực hiện kế hoạch công tác và dự toán ngân sách theo Quyết định số 46/QĐ-UBDT và Quyết định số 47/QĐ-UBDT ngày 21/01/2013 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc về việc giao kế hoạch công tác và dự toán ngân sách nhà nước năm 2013.

3. Xây dựng Kế hoạch 2014 đảm bảo được sự phối hợp đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, công bằng, tập trung trong phân bổ nguồn lực, ngân sách nhà nước đảm bảo đúng chế độ, chính sách hiện hành, trên tinh thần thực hành tiết kiệm chống lãng phí; đảm bảo thời gian quy định.

IV. Tổ chức thực hiện và tiến độ xây dựng

1. Tổ chức thực hiện

1.1. Đối với Ủy ban Dân tộc:

- Vụ Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban xác định phương án, tính toán cân đối nguồn lực, chỉ tiêu và tổ chức hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách toàn ngành năm 2014; tổng hợp kế hoạch, dự toán ngân sách toàn ngành năm 2014, thảo luận Kế hoạch 2014 với các Bộ, ngành liên quan.

- Các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc có trách nhiệm phối hợp với Vụ Kế hoạch - Tài chính, tổ chức đánh giá toàn diện tình hình thực hiện các chương trình, chính sách, đề án triển khai ở địa phương và hướng dẫn địa phương xây dựng Kế hoạch 2014 cho từng chính sách, chương trình, đề án được giao cho Vụ, đơn vị quản lý; đồng thời đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, dự toán ngân sách 6 tháng đầu năm và ước thực hiện cả năm 2013, xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách năm 2014.

Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch năm 2013, phương hướng kế hoạch 2014 của địa phương và của các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc được gửi về Vụ Kế hoạch - Tài chính để tổng hợp chung toàn ngành.

1.2. Đối với các địa phương:

Đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo các Sở, ngành liên quan và giao Ban Dân tộc (hoặc cơ quan làm công tác dân tộc cấp tỉnh) làm đầu mối tổ chức đánh giá toàn diện tình hình thực hiện các chương trình, chính sách, đề án, dự án, nguồn lực đầu tư cho vùng dân tộc thiểu số năm

2013 (bao gồm nguồn lực đầu tư từ ngân sách Trung ương, ngân sách địa phương, nguồn vốn tài trợ nước ngoài và các nguồn đầu tư khác).

- Báo cáo đánh giá cần tập trung vào việc bố trí, phân bổ vốn đầu tư phát triển, vốn sự nghiệp để thực hiện các chương trình, chính sách, đề án 6 tháng đầu năm, ước thực hiện cả năm 2013, đồng thời đề xuất, kiến nghị với các cấp, các ngành những bất cập, hạn chế trong việc triển khai thực hiện chính sách và xây dựng phương hướng kế hoạch, dự toán ngân sách năm 2014 cho các chương trình, chính sách, đề án, dự án thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Ủy ban Dân tộc.


2. Tiến độ xây dựng

- **Đầu tháng 6/2013** Ủy ban Dân tộc tổ chức hướng dẫn xây dựng kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước toàn ngành năm 2014;

- Trên cơ sở hướng dẫn kế hoạch của Ủy ban, các địa phương đang quản lý các chương trình, chính sách, đề án, dự án; tổ chức triển khai xây dựng kế hoạch, dự toán ngân sách 2014 do Ủy ban dân tộc quản lý. Kế hoạch, dự toán năm 2014 được gửi về Ủy ban Dân tộc **trước ngày 25/6/2013** (Kế hoạch 2014 được lập làm 03 bản và biểu mẫu kèm theo Công văn này, gửi về Vụ Kế hoạch - Tài chính, Ủy ban Dân tộc, 80 Phan Đình Phùng, Ba Đình, Hà Nội và gửi bản mềm theo địa chỉ email: vukehoachtaichinh@cema.gov.vn, ĐT liên hệ: Nguyễn Thế Hoàng 0912451917, Nguyễn Huy Duẩn 0912016647).

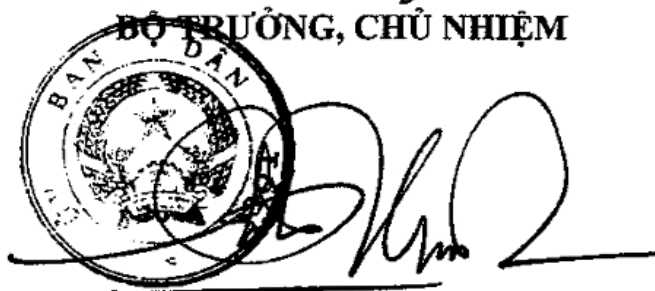
- Vụ Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm sao gửi kế hoạch, dự toán của địa phương cho các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc có chức năng quản lý các chương trình, chính sách, đề án. Các Vụ, đơn vị theo thẩm quyền quản lý của mình, xây dựng kế hoạch, dự toán năm 2014 của các chương trình, chính sách, đề án, gửi về Vụ Kế hoạch - Tài chính để tổng hợp xây dựng Kế hoạch năm 2014 của toàn ngành.

- **Ngày 20/7/2013**, Ủy ban Dân tộc hoàn thiện dự thảo Kế hoạch năm 2014, gửi các Bộ, ngành liên để chuẩn bị thảo luận.

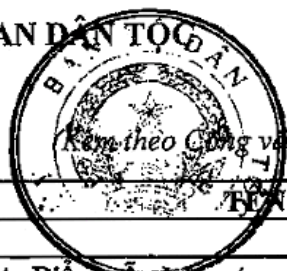
Ủy ban Dân tộc đề nghị và rất mong sự hợp tác hiệu quả của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; yêu cầu Thủ trưởng các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc nghiêm túc thực hiện tinh thần, nội dung Công văn này. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm;
- Lưu VT, KHTC/MC).

ĐỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM


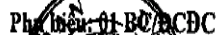
Giàng Seo Phử



DANH MỤC MẪU BIỂU

Kèm theo Công văn số 43/UBDT-KHTC ngày 30/5/2013 của Ủy ban Dân tộc)

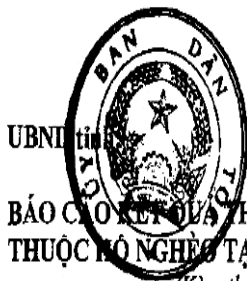
STT	TÊN MẪU BIỂU	MÃ HIỆU	GHI CHÚ
	A. Biểu mẫu báo cáo của các tỉnh		
1	Báo cáo thực hiện chính sách Định canh định cư năm 2013	01/BC/ĐCĐC	
2	Báo cáo kết quả thực hiện năm 2013- Chính sách hỗ trợ trực tiếp bằng tiền mặt cho người dân hộ nghèo theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TTg	02/BC-HTTT	
3	Báo cáo kết quả thực hiện năm 2013- Chính sách hỗ trợ trực tiếp bằng hiện vật cho người dân hộ nghèo theo Quyết định số 102/2009/QĐ-TT	02A/BC-HTTT	
4	Báo cáo kết quả thực hiện dự án CSHĐ năm 2013	03/BC-DACSHT	
5	Báo cáo thực hiện đề án 04 DT ít người năm 2013	04/BC-1672	
5	Kế hoạch vốn cho các dự án định canh định cư năm 2014	01/KH-ĐCĐC	
6	Kế hoạch vốn thực hiện Quyết định 102/QĐ-TTg năm 2014	02/KH-HTTT	
7	Kế hoạch vốn hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và chuyển đổi nghề thực hiện Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg	03/KH-29	
8	Kế hoạch vốn hỗ trợ thực hiện Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg	04/KH-755	
9	Nhu cầu vốn hỗ trợ đất sản xuất thực hiện Quyết định số 755/QĐ-TTg	4A/KH-755	
10	Nhu cầu vốn hỗ trợ nước sinh hoạt thực hiện Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg	4B/KH-755	
11	Kế hoạch vốn thực hiện Chương trình 135 năm 2014	05/KH-135	
12	Kế hoạch vốn đề án 04 dân tộc ít người năm 2014	06/KH-1672	
	B. Biểu mẫu báo cáo của các Vụ, đơn vị thuộc UBDT		
1	Kết quả thực hiện kế hoạch công tác năm 2013	01/BC	
2	Kết quả thu, chi phí, lệ phí và hoạt động dịch vụ	02/BC	
3	Tổng hợp dự toán thu, chi NSNN năm 2014	01/KH-DT	
4	Tổng hợp dự toán kinh phí năm 2014	02/KH-DT	
5	Dự toán chi ĐTXDCB năm 2014	03/KH-DT	
6	Tổng hợp dự toán thu, chi NSNN từ nguồn viện trợ và vốn đối ứng năm 2014	04/KH-DT	
7	Tổng hợp dự toán thu, chi từ nguồn vay nợ nước ngoài và vốn đối ứng năm 2014	05/KH-DT	
8	Danh mục đề tài đưa vào thực hiện năm 2014	06/KH-DT	
9	Danh mục dự án điều tra cơ bản đưa vào thực hiện năm 2014	07/KH-DT	
10	Tổng hợp các nhiệm vụ, dự án BVMT năm 2014	08/KH-DT	
11	Dự toán kinh phí báo, tạp chí 2472	09/KH-DT	



(Kèm theo Công văn số 459 /UBND-KHTC ngày 30 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban Dân tộc)

Đơn vị tính: Triệu đồng

[illegible]



Phụ biểu số 02 - BC/HTTT

UBND tỉnh

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2013 CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TRỰC TIẾP BẰNG TIỀN MẶT CHO NGƯỜI DÂN THUỘC HO NGHỀ TẠI VÙNG KHÓ KHĂN THEO QUYẾT ĐỊNH 102/2009/QĐ-TTG CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Công văn số 43 /UBND-KHTC ngày 30 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban Dân tộc)

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Tên huyện, xã (khu vực II, III)	Kế hoạch 2013			Thực hiện 2013			% thực hiện so với kế hoạch	Kế hoạch năm 2014
		Số khẩu (người)	Định mức hỗ trợ	Kinh phí	Số khẩu (người)	Định mức hỗ trợ	Kinh phí		
1	Huyện A								
	Xã KVII:								
	Xã KVIII:								
2								
	Tổng cộng								

Ngày..... tháng..... năm 2013

TM. UBND TỈNH

(Ký, ghi rõ họ tên)



Phụ biểu số 02A - BC/HTTT

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NĂM 2013 CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ TRỰC TIẾP BẰNG HIỆN VẬT
CHO NGƯỜI DÂN THUỘC HỘ NGHÈO TẠI VÙNG KHÓ KHĂN**

(Kèm theo công văn số 439.... ngày 30. tháng 6. năm 2013 của Ủy ban Dân tộc)

TT	TÊN HÀNG	KHỐI LƯỢNG				KINH PHÍ (triệu đồng)			Kế hoạch năm 2014
		Đơn vị tính	Kế hoạch	Thực hiện	% TH so với KH	Kế hoạch	Thực hiện	% TH so với KH	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Giống cây trồng								
2	Giống vật nuôi								
3	Thuốc thú y								
4	Muối l ốt								
...								
	Tổng cộng								

Ngày....tháng..... năm 2013

TM. UBND TỈNH

(Ký, ghi rõ họ tên)



Biểu số 03/BC-DACSHT

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN DAXDCSHT 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ KẾ HOẠCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2013

(Kèm theo Công văn số 439/UBNDT-KHTC ngày 30 tháng 5 năm 2013)

- 1 Kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm
- 1 Tổng số vốn được giao:
- 2 Số vốn đã giải ngân đến 30/6/2013.....

Trang đó

STT	Tên loại công trình	Tổng vốn đầu tư	Số lượng công trình	Khối lượng thực hiện	Tỷ lệ % so với KH	Vốn đã giải ngân	Tỷ lệ % so với KH	Ước thực hiện giải ngân đến 31/12/2013	Ghi chú
1	Hoàn thiện hệ thống đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh								
2	Hoàn thiện các công trình để bảo đảm chuẩn hóa trạm y tế xã								
								

Ghi chú: Ngoài việc tổng hợp kết quả theo yêu cầu chung, đề nghị địa phương gửi báo cáo kết quả thực hiện DAXDCSHT 6 tháng đầu năm và kế hoạch 6 tháng cuối năm bằng văn bản và qua đường thư điện tử theo địa chỉ: Vukehochtaichinh@cema.gov.vn

UBND tỉnh:

Phụ biểu số 04/BC-1672

**BÁO CÁO THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM VÀ ƯỚC THỰC HIỆN ĐẾN 31/12/2013
THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH SỐ 1672/QĐ-TTg NGÀY 26/9/2013 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ**

[illegible]



KẾ HOẠCH VỐN CHO CÁC DỰ ÁN ĐỊNH CÁN ĐỊNH CƯ NĂM 2014

(Kèm theo Công văn số 439/UBNDT-KHTC ngày 10 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban Dân tộc)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Tỉnh/huyện	Dự án Định Cán Định Cư/Thực hiện	Số hộ du canh, du cư	Số khẩu	Vốn đầu tư theo QĐ 33/2007/QĐ-TTg			Vốn cấp đến 2013			Kế hoạch vốn năm 2014		
					Tổng số	SN	ĐTPT	Tổng số	SN	ĐTPT	Tổng số	SN	ĐTPT
		Tổng số											
1		Điện Biên											
1.1		Mường Nhé											
a		ĐCĐC tập trung											
a.1		Dự án...											
a.2		Dự án...											
...													
b		ĐA ĐCĐC xen ghép											
b.1		Điểm ĐCĐC											
		Hỗ trợ NS xã											
		Hỗ trợ hộ:											
		Hỗ trợ CB cộng đồng											
1.2		Mường Lay											
a		ĐCĐC tập trung											
a.1		Dự án...											
a.2		Dự án...											
...													
b		ĐA ĐCĐC xen ghép											
b.1		Điểm ĐCĐC											
		Hỗ trợ NS xã											
		Hỗ trợ hộ:											
		Hỗ trợ CB cộng đồng											
2		Lai Châu											
2.1		...											



KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH 102/QĐ-TTG NĂM 2014

(Kèm theo Công văn số 439/UBDT-KHTC ngày 10 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban Dân tộc)

ĐVT: Dân số: Người Kinh phí: Triệu đồng

[illegible]

TM. UBND TỈNH

(Ký, ghi rõ họ tên)



Như cấp hỗ trợ đất ở, đất sản xuất và chuyển đổi nghề thực hiện Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg ngày 20/5/2013 của Thủ tướng Chính phủ

(Kèm theo Công văn số 139/UBND-KHTC ngày 30 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban Dân tộc)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Huyện	Tổng số hộ có nhu cầu hỗ trợ theo Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg	Dự kiến tổng kinh phí thực hiện QĐ 29/2013/QĐ-TTg năm 2013	Trong đó						Kế hoạch năm 2014				
				Hỗ trợ đất ở			Vay vốn chuộc đất SX, tạo quỹ đất SX...		Vay vốn phát triển ngành nghề		Tổng số	Trong đó		
				Số hộ	Diện tích (ha)	Thành tiền	Số hộ	Kinh phí	Số hộ	Kinh phí		Ngân sách TW	Vốn đầu tư hỗ trợ	Vốn vay
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
Tổng số														
1	Huyện A													
2	Huyện B													
3													
4													
5													

....., ngày tháng năm 2013

TM UBND TỈNH



Phụ hiệu số 04/KH-755

TỔNG HỢP KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN QUYẾT ĐỊNH 755/QĐ-TTg NĂM 2014
(Kèm theo Công văn số 439 ngày 10 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban Dân tộc)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Huyện	Số hộ có nhu cầu thực hiện QĐ 755	Dự kiến tổng nhu cầu vốn	Trong đó				Kế hoạch năm 2014				
				Tổng nhu cầu vốn NSTW	Trong đó		Ngân sách địa phương	Tổng nhu cầu vốn năm 2014	Tổng nhu cầu vốn NSTW	Trong đó		Ngân sách địa phương
					Vốn đầu tư hỗ trợ	Vốn vay				Vốn đầu tư hỗ trợ	Vốn vay	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Tổng số											
1	Huyện A											
2	Huyện B											
3											
4											
5											

.....Ngày tháng năm 2013

TM. UBND TỈNH

Nhu cầu hỗ trợ đất sản xuất thực hiện Quyết định 755/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ năm 2014

(Ký theo Công văn số 439 ngày 10 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban Dân tộc)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Huyện	Tổng số hộ có nhu cầu hỗ trợ đất sản xuất	Kinh phí thực hiện			Trong đó						
			Tổng số	Trong đó		Hỗ trợ trực tiếp đất SX				Chuyển đổi ngành nghề, mua máy móc, nông cụ...		
				Vốn hỗ trợ	Vốn vay	Số hộ	Diện tích (ha)	Kinh phí		Số hộ	Kinh phí	
								Vốn hỗ trợ	Vốn vay		Vốn hỗ trợ	Vốn vay
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
Tổng số												
1	Huyện A											
2	Huyện B											
3											
4											
5											

..... ngày tháng năm 2013

TM. UBND TỈNH



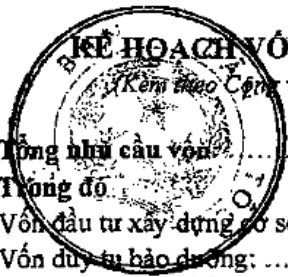
Phụ biểu số 4B/KH-755

Nhu cầu hỗ trợ nước sinh hoạt thực hiện Quyết định 755/QĐ-TTg năm 2014
(Kèm theo Công văn số 439/UBNDT-KHTC ngày 20 tháng 5 năm 2013 của Ủy ban Dân tộc)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Huyện	Dự kiến tổng kinh phí thực hiện	Trong đó				
			Nước phân tán		Nước tập trung		
			Số lượng (hộ)	Kinh phí	Số lượng (công trình)	Số hộ hưởng lợi	Kinh phí
1	2	3	4	5	6	7	8
1	Huyện A						
2	Huyện B						
3						
4						
5						

....., ngày tháng năm 2013
TM. UBND TỈNH

**KẾ HOẠCH VỐN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH 135 năm 2014**

(Kèm theo Công văn số 419/UBND-KHTC ngày 20 tháng 5 năm 2013)

Tổng nhu cầu vốn:

Trong đó:

Vốn đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng:

Vốn duy tu bảo dưỡng:

Vốn hỗ trợ phát triển sản xuất:

Cụ thể

1 Hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên công loại công trình	Số lượng công trình	Nhu cầu vốn	Ghi chú
1	Hoàn thiện hệ thống đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh			
2	Hoàn thiện các công trình để bảo đảm chuẩn hóa trạm y tế xã			
3			

2 Duy tu bảo dưỡng cơ sở hạ tầng

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên công loại công trình	Số lượng công trình	Nhu cầu vốn	Ghi chú
1	Đường giao thông nông thôn phục vụ sản xuất, kinh doanh và dân sinh			
2			
3				
....				

3 Hỗ trợ phát triển sản xuất

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên nội dung hỗ trợ	ĐVT	Số lượng	Nhu cầu vốn	Ghi chú
1	Hỗ trợ giống, phân bón....				
2	Hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi				
3				
..				

Ghi chú : Đối tượng thụ hưởng: Căn cứ vào đối tượng thụ hưởng của Dự án 2 thuộc Chương trình mục tiêu Quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2012 - 2015 năm 2013.

Căn cứ vào điều kiện thực tế, các địa phương đề xuất nhu cầu kinh phí đầu tư nhưng tổng mức đầu tư không vượt quá 1,5 lần so với mức đầu tư được phân bổ của DA 2 thuộc năm 2013

(Ngoài việc tổng hợp kết quả theo yêu cầu chung, đề nghị địa phương gửi báo cáo kết quả thực hiện (Ngoài việc tổng hợp kết quả theo yêu cầu chung, đề nghị các địa phương gửi báo cáo kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm và kế hoạch 6 tháng cuối năm DA XDCHT) bằng văn bản và qua đường thư điện tử theo địa chỉ: Vukehochtaichinh@cema.gov.vn)

Biểu số 06/KH-1672

KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2014

[illegible]

KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CÔNG TÁC NĂM 2013

Đơn vị:

Số TT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện				Thời gian trình LĐ Ủy ban	Thời gian trình CP, TTCP	Kinh phí	% hoàn thành đến 30/6	% hoàn thành đến 31/12
		Q 1	Q 2	Q 3	Q 4					
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
A	Công việc chung do Lãnh đạo Ủy ban giao									
1										
2										
B	Công việc thuộc chức năng của Vụ, đơn vị									
1										
2										
3										

NGƯỜI LẬP

....., ngày ... tháng 5 năm 2013

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đơn vị:

KẾT QUẢ THU, CHI PHÍ, LỆ PHÍ VÀ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ*Đơn vị: nghìn đồng*

STT	Nội dung	Tổng thu	Nộp NSNN	Được để lại chi
	Tổng cộng			
I	Phí, lệ phí:			
	<i>Chi tiết từng loại phí, lệ phí</i>			
II	Hoạt động dịch vụ			
	<i>Chi tiết từng loại dịch vụ</i>			

Người lập

Thủ trưởng đơn vị

TÊN ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC	DỰ TOÁN NĂM 2014																									
	BAO GỒM				BAO GỒM																					
	A/ PHÂN THU	T.SỐ TIÊU	SỐ ĐỀ LẠI	SỐ NỘP	B/ PHÂN CỤ	I/ CHỈ		TRONG ĐÓ		GỒM		II/ CHỈ		GỒM												HƯ CHỈ CTMT
						DTPT	CHỈ GD- ĐT	CHỈ KHCN	C/ P XDCB	B/ SUNG VỐN ĐN	THƯỜNG XUYẾN	CHỈ SNGT	TR. ĐÓ LƯƠNG*	CHỈ SN KHCN	TR. ĐÓ LƯƠNG*	C/ H BVMT	TR. ĐÓ LƯƠNG*	CHỈ SN OD-ĐT DN	TR. ĐÓ LƯƠNG*	CHỈ QLHC	TR. ĐÓ LƯƠNG*	CHỈ KHÁC				
Tổng số	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
Văn phòng Ủy ban																										
Trung tâm Thông tin																										
Viện Dân tộc																										
Trường Cán bộ Dân tộc																										
Tạp chí Dân tộc																										
Báo Dân tộc phát triển																										
Nhà khách Dân tộc																										
BOLDA Điện mặt trời																										

Ghi chú: (*) Chỉ tiền lương của những đối tượng NSNN trực tiếp đảm bảo

ĐƠN VỊ:

Biểu số: 02/KH-DT

TỔNG HỢP DỰ TOÁN KINH PHÍ NĂM 2014

Đơn vị tính: đồng

L	K	MỤC CHI	NỘI DUNG CHI	THỰC HIỆN NĂM 2012	NĂM 2013		DỰ TOÁN NĂM 2014 THEO BIÊN CHẾ 30/6/2013
					DỰ TOÁN	ƯỚC THỰC HIỆN	
			TỔNG SỐ				
		A	CHI THƯỜNG XUYÊN				
460	463		QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH				
	01		Kinh phí tự chủ				
			<i>Nhóm I</i>				
		6.000	Tiền lương				
		6.050	Tiền công				
		6.100	Phụ cấp lương				
		6.200	Tiền thưởng				
		6.250	Phúc lợi tập thể				
		6.300	Các khoản nộp theo lương				
		6.400	Các khoản thanh toán cho cá nhân				
			<i>Nhóm II</i>				
		6.500	TT dịch vụ công cộng				
		6.550	Văn phòng phẩm				
		6.600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc				
		6.650	Hội nghị, hội thảo, tập huấn				
		6.700	Công tác phí:				
		6.750	Chi phí thuê mướn				
		6.800	Đoàn ra				
		6.850	Đoàn vào				

	6.900	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ				
	7.000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn				
		Nhóm III				
	9.000	Mua sắm TSCĐ vô hình				
	9.050	Mua sắm TSCĐ hữu hình				
		Nhóm IV				
	7.100	Chi hỗ trợ KTTT và DC				
	7.750	Chi khác				
02		Kinh phí không tự chủ				
		Nhóm I				
	6.000	Tiền lương				
	6.050	Tiền công				
	6.100	Phụ cấp lương				
	6.200	Khen thưởng				
	6.250	Phúc lợi tập thể				
	6.300	Các khoản đóng góp				
	6.400	TT khác cho cá nhân				
		Nhóm II				
	6.500	TT dịch vụ công cộng				
	6.550	Văn phòng phẩm				
	6.600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc				
	6.650	Hội nghị, hội thảo, tập huấn				
	6.700	Công tác phí:				
	6.750	Chi phí thuê mướn				
	6.800	Chi đoàn ra				
	6.850	Chi đoàn vào				
	6.900	Chi SCTX TSCĐ				
	7.000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn (đặc thù)				
		Nhóm III				
	9.100	Sửa chữa TSCĐ				

		9.000	Mua sắm TSCĐ vô hình				
		9.050	Mua sắm TSCĐ hữu hình				
			<i>Nhóm IV</i>				
		7.100	Chi hỗ trợ KTTT và DC (CTP)				
		7.750	Chi khác				
460	463		Kinh phí Đại hội các DTTS VN				
			<i>Nhóm I</i>				
		6.000	Tiền lương				
		6.050	Tiền công				
		6.100	Phụ cấp lương				
		6.200	Tiền thưởng				
		6.250	Phúc lợi tập thể				
		6.300	Các khoản nộp theo lương				
		6.400	Các khoản thanh toán cho cá nhân				
			<i>Nhóm II</i>				
		6.500	TT dịch vụ công cộng				
		6.550	Văn phòng phẩm				
		6.600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc				
		6.650	Hội nghị, hội thảo, tập huấn				
		6.700	Công tác phí:				
		6.750	Chi phí thuê mướn				
		6.800	Đoàn ra				
		6.850	Đoàn vào				
		6.900	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ				
		7.000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn				
			<i>Nhóm III</i>				
		9.000	Mua sắm TSCĐ vô hình				
		9.050	Mua sắm TSCĐ hữu hình				
			<i>Nhóm IV</i>				
		7.100	Chi hỗ trợ KTTT và DC				
		7.750	Chi khác				

340	348	QUAN HỆ TÀI CHÍNH VỚI NƯỚC NGOÀI			
	1	Kinh phí thường xuyên			
	2	Kinh phí không thường xuyên			
		<i>Nhóm I</i>			
	6.000	Tiền lương			
	6.050	Tiền công			
	6.100	Phụ cấp lương			
		<i>Nhóm II</i>			
	6500	Thanh toán dịch vụ công cộng			
	6550	Văn phòng phẩm			
	6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc			
	6650	Hội nghị (hội thảo chuyên môn,)			
	6700	Công tác phí			
	6750	Chi phí thuê mướn			
	6900	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ (Sửa chữa máy tính, máy in, ô tô)			
	7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành			
490	505	SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC ĐÀO TẠO			
	1	Kinh phí thường xuyên			
		<i>Nhóm I</i>			
	6000	Tiền lương			
	6050	Tiền công			
	6100	Phụ cấp lương			
	6200	Tiền thưởng			
	6250	Phúc lợi tập thể			
	6300	Các khoản đóng góp			
	6.400	TT khác cho cá nhân			
		<i>Nhóm II</i>			
	6500	Thanh toán dịch vụ công cộng			
	6550	Vật tư văn phòng			

		6600	Thông tin tuyên truyền liên lạc				
		6650	Hội nghị				
		6700	Công tác phí				
		6800	Chi đoàn ra				
		6850	Chi đoàn vào				
		6900	Sửa chữa thường xuyên TSCĐ				
		7000	Chi CM nghiệp vụ, nghiên cứu khoa học, đề án thông tin đào tạo				
			Nhóm III				
		9200	Chuẩn bị đầu tư				
		9050	Mua sắm TS				
			Nhóm IV				
		7100	Chi đặc thù				
		7750	Chi khác				
	2	Kinh phí không thường xuyên					
			Nhóm I				
		6000	Tiền lương				
			Các khoản thanh toán khác				
		6400	cho cá nhân				
			Nhóm II				
		6500	Thanh toán dịch vụ công				
		6750	Chi phí thuê mượn				
		7000	Chi CM nghiệp vụ đào tạo				
			Nhóm III				
		9100	Sửa chữa lớn TS				
		9050	Mua sắm TS				
		9200	Chuẩn bị đầu tư				
370	373	SỰ NGHIỆP KHOA HỌC CÔNG NGHỆ					
	1	Kinh phí thường xuyên					
			Nhóm I				
		6000	Tiền lương				

		6100	Phụ cấp lương				
		6200	Tiền thưởng				
		6250	Phúc lợi tập thể				
		6300	Các khoản đóng góp (28.5%+2%CD)				
		6400	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân				
			Nhóm II				
		6500	Thanh toán dịch vụ công cộng				
		6550	Văn phòng phẩm				
		6600	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc				
		6650	Hội nghị (hội thảo chuyên môn,)				
		6700	Công tác phí				
		6750	Chi phí thuê mướn				
			Sửa chữa thường xuyên TSCĐ (Sửa chữa				
		6900	máy tính, máy in, ô tô)				
			Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng				
		7000	ngành				
			Nhóm III				
		9000	Mua, đầu tư tài sản vô hình				
			Mua sắm tài sản dùng cho công tác				
		9050	chuyên môn				
			Nhóm IV				
		7750	Chi khác				
		6800	Chi đoàn ra				
	2		Kinh phí không thường xuyên				
			Nhóm II				
			Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng				
		7000	ngành				
430	432		SỰ NGHIỆP KINH TẾ				
	1		Chi thường xuyên				
	2		Chi không thường xuyên				

			Nhóm II				
		7000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn				
280	281		SỰ NGHIỆP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG				
	1		Kinh phí thường xuyên				
	2		Kinh phí không thường xuyên				
			Nhóm II				
		7.000	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn				
		B	CHI XÂY DỰNG CƠ BẢN				
	1		Dự án Xây dựng trụ sở cơ quan Ủy ban Dân tộc				
	2		Dự án ứng dụng điện mặt trời cho khu vực miền núi và dân tộc ở Việt Nam				
	4		Dự án học viện Dân tộc				
		C	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU, MTQG				
	1		Kinh phí thường xuyên				
	2		Kinh phí không thường xuyên				
			Nhóm II				
	1		Chương trình Ma túy, HIV/AIDS				
	2		Chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch				
	3		Chương trình MTQG đưa thông tin về cơ sở miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo				
	4		Chương trình mục tiêu quốc gia về CNTT				

	5	Chương trình 135 (2011-2015)				
		a- Đề án Truyền thông				
		b- Chương trình đào tạo 135				
		c- Chương trình....				
	6	Thực hiện cấp báo không thu tiền cho				
	7	vùng Dân tộc và miền núi				
					

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ NĂM 2014

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU, CHI TỪ NGUỒN VỐN VIỆN TRỢ VÀ VỐN ĐỐI ỨNG NĂM 2014

Đơn vị tính: USD

ST T	Tên nước, tổ chức quốc tế/Dự án	Thời gian thực hiện dự án	Tổng số vốn ký kết hoặc cam kết viện trợ	Tổng số vốn viện trợ chuyển cho VN nhận, sử dụng và vốn đối ứng cam kết				Lũy kế thực hiện đến 31/12/2012				Đánh giá thực hiện năm 2013				Dự toán năm 2014			
				Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
					Bảng tiền cho cán đối NS	Sự nghiệp			Bảng tiền cho cán đối NS	Sự nghiệp			Bảng tiền cho cán đối NS	Sự nghiệp			Bảng tiền cho cán đối NS	Sự nghiệp	
						Vốn viện trợ	Vốn đối ứng			Vốn viện trợ	Vốn đối ứng			Vốn viện trợ	Vốn đối ứng			Vốn viện trợ	Vốn đối ứng
1	Dự án: Mã QHNS.....																		
2																			
3																			
Tổng số																			

TỔNG HỢP DỰ TOÁN THU, CHI TỪ NGUỒN VAY NỢ NƯỚC NGOÀI VÀ VỐN ĐỐI ỨNG NĂM 2014

Đơn vị tính: EUI

Đơn vị tính: USD

ST T	Tên nước, tổ chức quốc tế/Dự án	Thời gian thực hiện dự án	Tổng số vốn ký kết hoặc cam kết viện trợ	Tổng số vốn viện trợ chuyển cho VN nhận, sử dụng và vốn đối ứng cam kết			Lũy kế thực hiện đến 31/12/2012			Đánh giá thực hiện năm 2013			Dự toán năm 2014			
				Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
					Bảng tiền cho cán đối NS	Xây dựng cơ bản		Bảng tiền cho cán đối NS	Xây dựng cơ bản		Bảng tiền cho cán đối NS	Xây dựng cơ bản				
						Vốn viện trợ			Vốn đối ứng			Vốn viện trợ		Vốn đối ứng	Vốn viện trợ	Vốn đối ứng
	CP Phần Lan															
1	Dự án: Ứng dụng điện mặt trời cho khu vực miền núi và dân tộc ở Việt Nam															
2	m															

DANH MỤC ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC ĐƯA VÀO THỰC HIỆN NĂM 2014

STT	Đề án, đề tài	Định hướng mục tiêu	Nội dung chủ yếu	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Thời gian	
					Bắt đầu	Kết thúc
I	Đề án khoa học cấp nhà nước					
1						
II	Đề tài cấp Bộ					
1						
2						
3						
4						
III	Quản lý dự án					
	Tổng cộng (I+II+ III)					

DANH MỤC DỰ ÁN ĐIỀU TRA CƠ BẢN ĐƯA VÀO THỰC HIỆN NĂM 2014

STT	Dự án	Định hướng mục tiêu	Nội dung chủ yếu	Dự kiến kinh phí (triệu đồng)	Thời gian	
					Bắt đầu	Kết thúc
I	Tên Dự án					
1						
2						
3						
4						
5						
6						
7						
8						
II	Quản lý dự án					
	Tổng cộng					

TỔNG HỢP CÁC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG NĂM 2014

STT	Tên nhiệm vụ/dự án	Mục tiêu	Nội dung thực hiện	Dự kiến sản phẩm	Cơ quan thực hiện	Thời gian thực hiện (Từ ... đến)	Tổng kinh phí thực hiện (triệu đồng)	Kinh phí năm 2014 (triệu đồng)	Ghi chú
A	Dự án bảo vệ môi trường								
I	Dự án chuyển tiếp								
II									
1									
2									
3									
4									
5									
B	TÊN NHIỆM VỤ THƯỜNG XUYÊN								
1									
2									
3									
C	Tổng cộng								

STT	Đối tượng	Tỉnh	Phòng DT huyện/ phòng văn hóa	Xã vùng dân tộc MN	Xã thuộc 69 huyện nghèo	Thôn thuộc 69 huyện nghèo	Xã ĐBKK ngoài 69 huyện nghèo	Thôn thuộc xã ĐBKK ngoài 69 HN	Xã BG ngoài 69 HN và xã ĐBKK	Thôn của Xã BG ngoài 69 HN và xã ĐBKK	Thôn ĐBKK xã KV II	Xã biên giới	Th cũ bi gi
	Tên đơn vị												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
1	Báo Dân tộc và Phát triển												
2	Báo Văn hóa												
	Tổng chi phí xuất bản												
	Công ty Phát hành báo chí												
	Tổng kinh phí xuất bản và phát hành												

Ghi chú:

P CHÍ CẤP KHÔNG THU TIỀN NĂM 2014

TTg ngày 28 tháng 12 năm 2011

Trường lớp, Chùa Khmer	Đòn biên phòng	Đội công tác BP	Đội công tác 123 (Bộ QP)	Người có uy tin	Lưu chiều và gửi cơ quan QL			Tổng số đôi tượng (chưa có LC)	Tổng số đôi tượng (có LC)	Số kỳ phát hành	Chi phí xuất bản	Chi phí phát hành	Kinh phí xuất bản	Kinh phí phát hành
					Tổng số	Gửi cơ quan quản lý	Lưu chiều							
15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28=24 x 25 x 26	29=(21+23)*25*27